

Số: *126* /QĐ-UBND

Quận 2, ngày *16* tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân quận Khốa IV về dự toán và phân bổ ngân sách quận năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 4255/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân quận 2 về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 04/TTr- TCKH ngày 09 tháng 01 năm 2017 của phòng Tài chính - Kế hoạch quận về công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quận 2 năm 2017 (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- TTQU; TT.UBND quận;
- UBND quận: CT; PCT;
- UB MTTQVN quận và các đoàn thể;
- Ban KTXH, Ban PC/HĐND quận;
- Văn phòng Quận ủy;
- Lưu: VT, TCKH (05).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phước Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN 2 NĂM 2017**(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
I	Tổng số thu NSNN trên địa bàn quận (Theo phân cấp)	2.360.662.000.000
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	2.348.000.000.000
2	Thu từ xuất nhập khẩu	-
3	Thu viện trợ không hoàn lại	-
4	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi thu)	12.662.000.000
II	Thu ngân sách địa phương (bao gồm NS cấp quận, NS phường)	476.693.000.000
1	Thu ngân sách quận hưởng theo phân cấp	228.248.000.000
	- Các khoản thu NS quận hưởng 100%	70.118.000.000
	- Các khoản thu phân chia NS quận hưởng theo tỷ lệ %	158.130.000.000
2	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	232.771.000.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	232.771.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Thu viện trợ không hoàn lại	-
4	Kết dư	3.012.000.000
5	Nguồn CCTL còn lại dùng để cân đối thu chi NS	-
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi thu)	12.662.000.000
III	Chi ngân sách địa phương (bao gồm NS cấp quận, NS phường)	476.693.000.000
1	Chi đầu tư phát triển (Đầu tư XD CB)	-
2	Chi thường xuyên	464.031.000.000
	Trong đó:	
	- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	175.529.000.000
	- Chi sự nghiệp y tế	31.925.000.000
	- Dự phòng ngân sách	13.428.000.000
3	Chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi chi)	12.662.000.000

Ghi chú: Dự toán chi ngân sách chưa bao gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2017**(Kèm theo Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	Tổng chi ngân sách địa phương	476.693.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư XDCB	-
II	Chi thường xuyên	464.031.000.000
1	Chi quốc phòng	13.817.000.000
2	Chi an ninh	8.740.000.000
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	175.529.000.000
	<i>Trong đó: Sự nghiệp giáo dục</i>	<i>167.670.000.000</i>
4	Chi y tế	31.925.000.000
5	Chi văn hoá nghệ thuật	6.208.000.000
6	Chi thể dục thể thao	2.353.000.000
7	Chi đảm bảo xã hội	26.503.000.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	72.028.000.000
9	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	107.237.000.000
	- Chi quản lý nhà nước	81.237.000.000
	- Kinh phí thi đua, khen thưởng	1.200.000.000
	- Chi Đảng (phường)	6.070.000.000
	- Chi cơ quan đoàn thể	18.730.000.000
10	Chi khác NS	6.263.000.000
	<i>Trong đó: Hỗ trợ khối nội chính</i>	<i>1.686.000.000</i>
11	Dự phòng	13.428.000.000
12	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-
III	Các khoản chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi chi)	12.662.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**(Kèm theo Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Trong đó	
			NS cấp quận	NS phường
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	476.693.000.000	400.327.000.000	76.366.000.000
A	Tổng chi cân đối ngân sách quận	464.031.000.000	387.665.000.000	76.366.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
	Trong đó:		-	-
1	Chi giáo dục đào tạo, dạy nghề	-	-	-
2	Chi khoa học, công nghệ		-	-
II	Chi thường xuyên	464.031.000.000	387.665.000.000	76.366.000.000
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục đào tạo, dạy nghề	175.529.000.000	175.529.000.000	
	Trong đó: Sự nghiệp giáo dục	167.670.000.000	167.670.000.000	-
2	Chi khoa học, công nghệ	-	-	-
3	Dự phòng	13.428.000.000	13.428.000.000	-
III	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	-	-	-
B	Các khoản chi từ nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi chi)	12.662.000.000	12.662.000.000	-

Ghi chú: Dự toán chi ngân sách chưa bao gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 2 NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG SỐ THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (Theo phân cấp)	2.360.662.000.000
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	2.348.000.000.000
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	2.348.000.000.000
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	880.000.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	623.000.000.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	255.500.000.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hoá dịch vụ trong nước	1.500.000.000
3	Lệ phí trước bạ	248.200.000.000
	Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà, đất	42.194.000.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.800.000.000
2	Thuế thu nhập cá nhân	412.000.000.000
4	Thu phí, lệ phí	14.000.000.000
5	Lệ phí Môn bài	13.000.000.000
6	Các khoản thu về nhà, đất	745.000.000.000
	- Thu tiền thuê đất	49.300.000.000
	- Thu tiền sử dụng đất	695.700.000.000
7	Thu khác ngân sách	30.000.000.000
II	Thu viện trợ không hoàn lại	-
B	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	12.662.000.000
	TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN (NS cấp quận và NS phường)	476.693.000.000
A	Các khoản thu cân đối ngân sách Quận	464.031.000.000
1	Các khoản thu 100%	70.118.000.000
2	Thu phân chia theo tỷ lệ %	158.130.000.000
3	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố	232.771.000.000
4	Thu kết dư	3.012.000.000
5	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	0
6	Nguồn CCTL còn lại dùng để cân đối thu chi NS	0
B	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	12.662.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ NGÂN SÁCH CỦA CÁC PHƯỜNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN	
I	Nguồn thu ngân sách cấp quận	466.050.000.000
1	Thu ngân sách cấp quận hưởng theo phân cấp	217.605.000.000
	- Các khoản thu ngân sách cấp quận hưởng 100%	59.475.000.000
	- Các khoản thu phân chia NS cấp quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	158.130.000.000
2	Bổ sung từ ngân sách thành phố	232.771.000.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	232.771.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Thu kết dư	3.012.000.000
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	-
5	Nguồn CCTL còn lại dùng để cân đối thu chi NS	-
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi thu)	12.662.000.000
II	Chi ngân sách cấp quận	466.050.000.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp quận theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách phường)	387.665.000.000
2	Chi bổ sung cho ngân sách phường	65.723.000.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	65.723.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	-
3	Chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN (ghi chi)	12.662.000.000
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
I	Nguồn thu ngân sách phường	76.366.000.000
1	Thu ngân sách phường hưởng theo phân cấp	10.643.000.000
	- Các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%	10.643.000.000
	- Các khoản thu phân chia NS cấp quận hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp quận	65.723.000.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	65.723.000.000
	- Bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Nguồn CCTL còn lại dùng để cân đối thu chi NS	-
II	Chi ngân sách phường	76.366.000.000

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ
CÁC MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC DO CẤP QUẬN THỰC HIỆN NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN	Chia ra	
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	-		-
1	Chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm	-	-	-
2	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	-	-	-
3	Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình	-	-	-
4	Chương trình thanh toán một số bệnh xã hội, dịch bệnh nguy hiểm và HIV/AIDS	-	-	-
5	Chương trình văn hóa	-	-	-
6	Chương trình giáo dục và đào tạo	-	-	-
7	Chương trình phòng, chống tội phạm	-	-	-
II	Chương trình 135	-	-	-
III	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	-	-	-
IV	Một số mục tiêu nhiệm vụ khác	-	-	703.000.000
1	Chương trình y tế - dân số	-	-	703.000.000
		-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU CHO
NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP THÀNH PHỐ
QUYẾT ĐỊNH THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt : %

STT	Tên Phường	Chi tiết theo các khoản thu (theo phân cấp của thành phố)	
		Các khoản phân chia tỷ lệ % giữa ngân sách cấp quận và ngân sách phường	Các khoản thu điều tiết cho ngân sách phường 100%
			Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh và thu phí, lệ phí, thu khác thuộc ngân sách phường
1	UBND phường Thủ Thiêm		100
2	UBND phường Bình Khánh		100
3	UBND phường Bình An		100
4	UBND phường Bình Trưng Đông		100
5	UBND phường Bình Trưng Tây		100
6	UBND phường An Phú		100
7	UBND phường Thảo Điền		100
8	UBND phường Thạnh Mỹ Lợi		100
9	UBND phường Cát Lái		100
10	UBND phường An Khánh		100
11	UBND phường An Lợi Đông		100

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN,
CẤP PHƯỜNG ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH
THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt : %

STT	Chỉ tiêu theo các sắc thuế (theo phân cấp của Thành phố)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu cấp quận được hưởng	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu cấp phường được hưởng
	Các khoản thu ngân sách cấp quận hoặc ngân sách cấp phường hưởng 100%		
1	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí)	100	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100
3	Lệ phí môn bài (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh)	100	
4	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		100
5	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100	
6	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài trực tiếp cho quận hoặc phường	100	100
7	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước quận hoặc phường thực hiện; trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập do quận quản lý thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan	100	100
8	Lệ phí do các cơ quan nhà nước thuộc quận hoặc phường thực hiện thu (không kể lệ phí môn bài)	100	100
9	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp quận quản lý	100	
10	Thu sự nghiệp, phần nộp NS theo quy định của pháp luật của các đơn vị do quận hoặc phường quản lý	100	100
11	Thu đầu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do phường quản lý		100
12	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài trực tiếp cho ngân sách quận hoặc phường theo quy định của pháp luật	100	100
13	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách quận hoặc phường	100	100
14	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận hoặc phường	100	100

STT	Chỉ tiêu theo các sắc thuế (theo phân cấp của Thành phố)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu cấp quận được hưởng	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu cấp phường được hưởng
15	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận hoặc phường quyết định xử phạt, tịch thu	100	100
16	Các khoản thu khác của ngân sách quận hoặc phường theo quy định của pháp luật	100	100
17	Thu kết dư ngân sách quận hoặc phường	100	100
18	Thu bổ sung từ ngân sách thành phố/quận	100	100
19	Thu chuyển nguồn của ngân sách quận hoặc phường năm trước chuyển sang	100	100
	Các khoản thu phân chia các cấp ngân sách được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)		
1	Thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí) thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận thu	18	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí do Chi cục Thuế quận thu	18	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2017**(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 26 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Dự toán ngân sách địa phương	Chia ra	
			Chi ngân sách của đơn vị cấp quận	Chi ngân sách của các phường
	Tổng chi ngân sách địa phương	476.693.000.000	400.327.000.000	76.366.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-
2	Chi đầu tư xây dựng cơ bản khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	464.031.000.000	387.665.000.000	76.366.000.000
1	Chi quốc phòng	13.817.000.000	3.560.000.000	10.257.000.000
2	Chi an ninh	8.740.000.000	3.000.000.000	5.740.000.000
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	175.529.000.000	175.529.000.000	
4	Chi y tế	31.925.000.000	31.925.000.000	
5	Chi văn hoá thông tin	6.208.000.000	6.108.000.000	100.000.000
6	Chi thể dục thể thao	2.353.000.000	2.353.000.000	
7	Chi đảm bảo xã hội	26.503.000.000	26.225.000.000	278.000.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	72.028.000.000	71.517.000.000	511.000.000
9	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	107.237.000.000	50.201.000.000	57.036.000.000
10	Chi khác	6.263.000.000	6.043.000.000	220.000.000
11	Dự phòng	13.428.000.000	11.204.000.000	2.224.000.000
III	Ghi thu ghi chi	12.662.000.000	12.662.000.000	-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH CỦA PHƯỜNG NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 16 /01/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Đvt: đồng

ST T	Tên Phường	Tổng thu NSNN trên địa bàn Phường	Tổng chi cân đối NS Phường	Bổ sung từ NS cấp Quận cho Phường		
				Tổng số	Bao gồm	
					Bổ sung cân đối NS	Bổ sung có mục tiêu
	TỔNG CỘNG	137.643.000.000	76.366.000.000	65.723.000.000	65.723.000.000	
1	UBND phường An Khánh	-	3.464.000.000	3.464.000.000	3.464.000.000	
2	UBND phường Bình Khánh	1.343.500.000	6.421.000.000	6.127.500.000	6.127.500.000	
3	UBND phường Thủ Thiêm	-	3.383.000.000	3.383.000.000	3.383.000.000	
4	UBND phường An Phú	36.623.500.000	9.046.000.000	6.822.500.000	6.822.500.000	
5	UBND phường An Lợi Đông	-	3.018.000.000	3.018.000.000	3.018.000.000	
6	UBND phường Thảo Điền	62.496.000.000	9.064.000.000	6.468.000.000	6.468.000.000	
7	UBND phường Bình An	12.984.000.000	8.099.000.000	7.215.000.000	7.215.000.000	
8	UBND phường Bình Trưng Đông	5.284.500.000	8.459.000.000	7.554.500.000	7.554.500.000	
9	UBND phường Bình Trưng Tây	8.980.500.000	9.353.000.000	8.362.500.000	8.362.500.000	
10	UBND phường Thạnh Mỹ Lợi	5.712.000.000	8.166.000.000	6.684.000.000	6.684.000.000	
11	UBND phường Cát Lái	4.219.000.000	7.893.000.000	6.624.000.000	6.624.000.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC QUÂN CHO TỪNG CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2017



Đã được Ủy ban nhân dân quận 2) /QĐ-UBND ngày 10/1/2017 của Ủy ban nhân dân quận 2)

Dvt: Triệu đông

Dự toán năm 2017																				
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)		Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)										Chi CTMT			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau		
			Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Chia theo lĩnh vực								Dự phòng NS cấp quận	Tổng số	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên	
							Chia theo lĩnh vực													
							Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao						Sự nghiệp xã hội
	TỔNG SỐ:	387.665	-	-	-	375.758	71.517	175.529	31.222	6.108	2.353	26.225	50.201	6.560	6.043	11.204	703	-	703	-
A	Các cơ quan, tổ chức	267.581	-	-	-	266.878	657	145.208	27.784	6.108	2.353	25.225	48.689	6.560	4.294	-	703	-	703	-
1	Phòng ban chuyên môn	77.453	-	-	-	76.750	657	3.643	8.790	-	-	25.225	38.435	-	-	-	703	-	703	-
1	Văn phòng HĐND và UBND	9.328	-	-	-	9.328	-	-	-	-	-	-	9.328	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Nội vụ	4.579	-	-	-	4.579	-	993	-	-	-	-	3.586	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Quản lý đô thị	8.629	-	-	-	8.629	-	-	-	-	-	-	8.629	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4.769	-	-	-	4.769	-	2.650	-	-	-	-	2.119	-	-	-	-	-	-	-
5	Phòng Y tế	2.141	-	-	-	1.438	-	-	-	-	-	-	1.438	-	-	-	703	-	703	-
6	Phòng Kinh tế	1.736	-	-	-	1.736	200	-	-	-	-	-	1.536	-	-	-	-	-	-	-
7	Phòng Tài nguyên và MT	2.969	-	-	-	2.969	457	-	-	-	-	-	2.512	-	-	-	-	-	-	-
8	Phòng Tài chính - Kế hoạch	2.431	-	-	-	2.431	-	-	-	-	-	-	2.431	-	-	-	-	-	-	-
9	Thanh tra	1.663	-	-	-	1.663	-	-	-	-	-	-	1.663	-	-	-	-	-	-	-
10	Phòng Tư pháp	1.562	-	-	-	1.562	-	-	-	-	-	-	1.562	-	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.720	-	-	-	1.720	-	-	-	-	-	-	1.720	-	-	-	-	-	-	-
12	Phòng LĐTB và Xã hội	35.926	-	-	-	35.926	-	-	8.790	-	-	25.225	1.911	-	-	-	-	-	-	-
II	Đoàn thể và các hội	10.254	-	-	-	10.254	-	-	-	-	-	-	10.254	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]

Dự toán năm 2017																	
STT	Tên đơn vị	Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)										Dự phòng NS cấp quận	Chi CTMT			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
		Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)		Chia theo lĩnh vực									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
				Chia theo lĩnh vực													
				Tổng số	Chia theo lĩnh vực		Tổng số	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Văn hóa nghệ thuật						Thể dục thể thao
	Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy	Chi khoa học và công nghệ		Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo		Sự nghiệp y tế	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, đoàn thể	ANQP-TTAT XH	Khác			
25	TH An Bình		<u>1.637</u>	-	-	-	1.637	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	THCS Nguyễn Văn Trỗi		<u>4.850</u>	-	-	-	4.850	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	THCS Giồng Ông Tố		<u>5.726</u>	-	-	-	5.726	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	THCS Thạnh Mỹ Lợi		<u>4.684</u>	-	-	-	4.684	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
29	THCS An Phú		<u>6.721</u>	-	-	-	6.721	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
30	THCS Lương Định Của		<u>5.640</u>	-	-	-	5.640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	THCS Bình An		<u>4.220</u>	-	-	-	4.220	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
32	THCS Nguyễn Thị Định		<u>4.088</u>	-	-	-	4.088	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
33	THCS Trần Quốc Toản		<u>1.615</u>	-	-	-	1.615	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
34	Trường GDGB Thảo Điền		<u>3.693</u>	-	-	-	3.693	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Trường BD Giáo dục		<u>1.623</u>	-	-	-	1.623	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
36	TT KT TH Hướng nghiệp		<u>2.441</u>	-	-	-	2.441	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	Ngành dục		<u>10.854</u>	-	-	-	10.854	-	-	-	-	-	6.560	4.294	-	-	-
1	Công an		<u>3.000</u>	-	-	-	3.000	-	-	-	-	-	3.000	-	-	-	-
2	Quân sự		<u>3.560</u>	-	-	-	3.560	-	-	-	-	-	3.560	-	-	-	-
3	Tòa án		<u>1.004</u>	-	-	-	1.004	-	-	-	-	-	-	1.004	-	-	-
4	Viện kiểm sát		<u>516</u>	-	-	-	516	-	-	-	-	-	-	516	-	-	-
5	Thị hành án		<u>572</u>	-	-	-	572	-	-	-	-	-	-	572	-	-	-
6	Thống kê		<u>195</u>	-	-	-	195	-	-	-	-	-	-	195	-	-	-
7	Quản lý thị trường		<u>265</u>	-	-	-	265	-	-	-	-	-	-	265	-	-	-
8	BHXH		<u>77</u>	-	-	-	77	-	-	-	-	-	-	77	-	-	-
9	Kho bạc		<u>84</u>	-	-	-	84	-	-	-	-	-	-	84	-	-	-
10	Chi cục Thuế		<u>1.037</u>	-	-	-	1.037	-	-	-	-	-	-	1.037	-	-	-
11	PCCC khu vực		<u>544</u>	-	-	-	544	-	-	-	-	-	-	544	-	-	-

Dự toán năm 2017

Dự toán năm 2017																					
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể CTMTQG, CTMT)		Chi thường xuyên (không kể CTMTQG, CTMT)											Dự phòng NS cấp quận	Chi CTMT			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	
			Tổng số	Chi giáo dục, đào tạo và dạy	Chi khoa học và công nghệ	Tổng số	Sự nghiệp kinh tế	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	Sự nghiệp y tế	Văn hóa nghệ thuật	Thể dục thể thao	Sự nghiệp xã hội	QLNN, Đảng, Đoàn thể	ANQP-TTAT XH	Khác		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			
																			Chi theo lĩnh vực		
																			Chi theo lĩnh vực		
B	Chi một số nhiệm vụ theo chế độ	108.880	-	-	-	108.880	70.860	30.321	3.438	-	-	1.000	1.512	-	1.749	-	-	-			
1	Hoạt động công ích	70.860	-	-	-	70.860	70.860	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Lĩnh vực giáo dục	30.321	-	-	-	30.321	-	30.321	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
3	Lĩnh vực y tế	3.438	-	-	-	3.438	-	-	3.438	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
4	Văn hóa nghệ thuật	0	-	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
5	Thể dục thể thao	0	-	-	-	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
6	Đảm bảo xã hội	1.000	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-	-			
7	Quản lý nhà nước-Đảng-Đoàn thể	1.512	-	-	-	1.512	-	-	-	-	-	-	1.512	-	-	-	-	-			
8	Các khoản khác	1.749	-	-	-	1.749	-	-	-	-	-	-	-	-	1.749	-	-	-			
C	Dự phòng NS cấp quận	11.204	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Kinh phí cúm gia cầm	500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-	-			
2	Nhiệm vụ cấp bách phát sinh	10.704	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.704	-	-	-			

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

